

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025 (tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí khảo sát (nếu có):

Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản) được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số V - Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản):

Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản áp dụng đối với tất cả các loại công trình được tính bằng 1% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở. Chi phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng 0,019% tổng mức đầu tư dự án, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ, chi phí hỗ trợ quản lý dự án

1. Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng:

a) Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng được xác định bằng 1,382% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

b) Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng trên biển; dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng bãi ngang ven biển; xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng tỷ lệ trên nhân với hệ số điều chỉnh 1,35.

2. Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình:

a) Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình được xác định bằng 1,283% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

b) Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng trên biển; dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng tỷ lệ trên nhân với hệ số điều chỉnh 1,2.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, tình hình thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lập, thẩm định hồ sơ xây dựng

công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý cấp xã lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ (nếu có).

2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2022.

2. Thay thế Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại Biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh